TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Mai.
2. Bà Lê Thị Chí.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 956/2020/HNST ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2020 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu C1, sinh năm 1968 (có đơn đề nghị được vắng mặt).
Địa chỉ: Số A Đường TTH 21, phường TTH, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

-*Bị đơn:* Ông Phan Quang T1, sinh năm 1964 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số C2 đường PVC, Phường D1, quận G., Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu C1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Quang T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/90 do Ủy ban nhân dân phường E, quận P., Tp. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 06/02/1990.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại bà và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2013. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: có 02 con chung Phan Quang Bảo M1, sinh ngày 19/12/1990; Phan Quỳnh Bảo T2, sinh ngày 28/3/2000. Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Thu C1 vắng mặt và có đơn đề nghị được vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên.

Bị đơn ông Phan Quang T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến gì.

Những nội dung thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án: Theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường D1, quận G., Tp. Hồ Chí Minh: ông Phan Quang T1 hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: Số C2 đường PVC, Phường D1, quận G., Tp. Hồ Chí Minh. Theo kết quả trả lời xác minh của Uỷ ban nhân dân Phường D1, quận G., Tp. Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu C1 và ông Phan Quang T1 thì hiện nay, do mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân nên ông T1 và bà C1 đã ly thân hơn 5 năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G., Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G., Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu C1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Quang T1, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét bị đơn ông Phan Quang T1 cư trú tại quận G., Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G., Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị Thu C1 và ông Phan Quang T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà C1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu C1 và Phan Quang T1.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu C1 và ông Phan Quang T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/90 do Ủy ban nhân dân phường E, quận P., Tp. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 06/02/1990, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C1 và ông T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn bà C1 và ông T1 có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại bà và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2013, vấn đề này cũng đã được Uỷ ban nhân dân Phường D1, quận G., Tp. Hồ Chí Minh ghi nhận tại kết quả trả lời xác minh Công văn số 353/TAQGV ngày 10/8/2020.

Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các thủ tục hòa giải, xét xử ông Phan Quang T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, không có lý do chính đáng, không có ý kiến đã thể hiện ông không quan tâm hàn gắn gia đình. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu C1 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung Phan Quang Bảo M1, sinh ngày 19/12/1990; Phan Quỳnh Bảo T2, sinh ngày 28/3/2000. Tất cả đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu C1 phải chịu án phí theo mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 203; khoản 3 Điều 208; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 51; Điều 54; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Các Điều 2; 6; 7; 9; 26 và 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Nguyễn Thị Thu C1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu C1 được ly hôn với ông Phan Quang T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/90 do Ủy ban nhân dân phường E, quận P., Tp. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 06/02/1990 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung Phan Quang Bảo M1, sinh ngày 19/12/1990; Phan Quỳnh Bảo T2, sinh ngày 28/3/2000. Tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0026710 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G., Tp. Hồ Chí Minh. Bà C1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận G.;
- Chi cục THADS Quận G.;
- UBND phường E, quận P., Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Nguyễn Anh Đức